



LÒNG GHÉP PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ KINH TẾ TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM

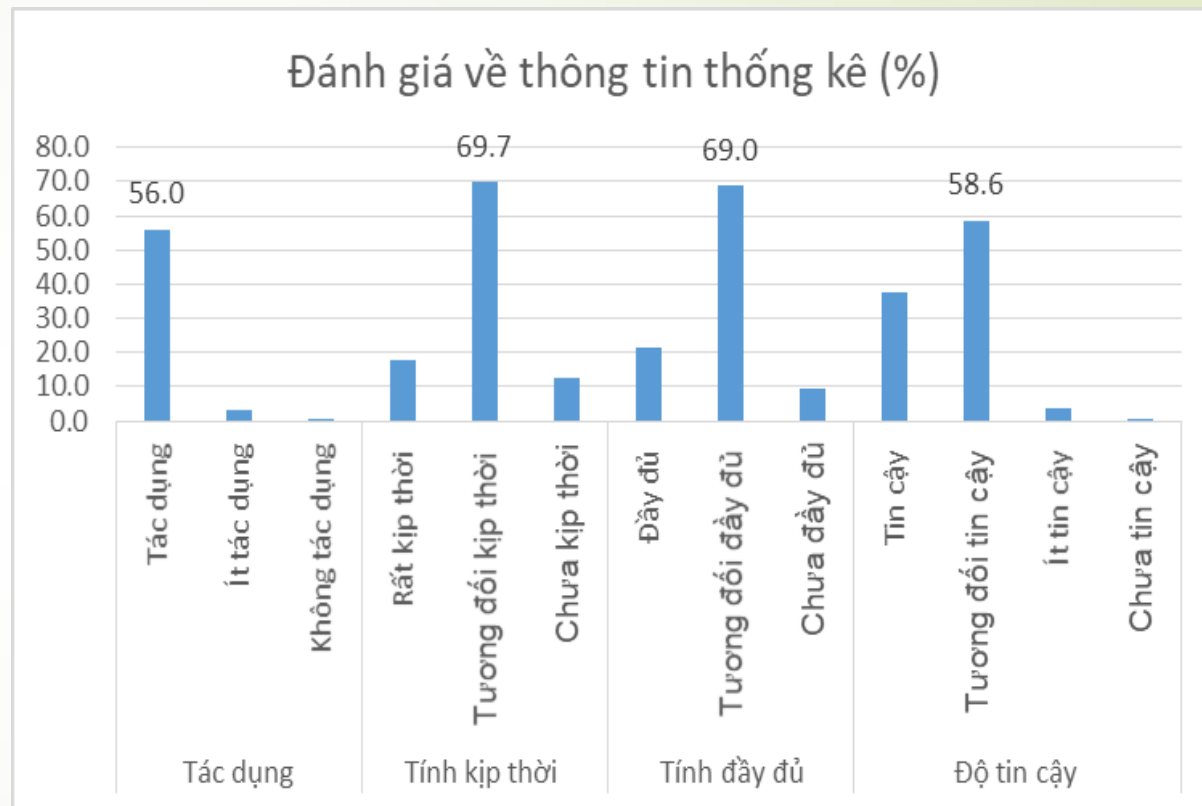
TS. PHẠM ĐĂNG QUYẾT
HỘI THỐNG KÊ VIỆT NAM

Kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

STT	Chương trình hành động	Mục tiêu/ những gì chúng ta muốn/ cần đạt được	Thông tin ban đầu	Chỉ tiêu/ theo dõi những gì		Kết quả
				2015	2020	
1	Hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp lý và cơ chế điều phối các hoạt động thống kê	Mục tiêu tổng quát: Thống kê Việt Nam phát triển nhanh, bền vững; phấn đấu đến năm 2030 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực	Báo cáo đánh giá thực trạng Hệ thống thống kê Việt Nam (2010)	Báo cáo đánh giá giữa kỳ (2017)	Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá trong khu vực	
2	Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận thống kê tiên tiến và xây dựng, chuẩn hóa các quy trình thống kê theo chuẩn mực quốc tế	Mục tiêu cụ thể: - Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê của các Bộ, ngành đồng bộ với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã	Báo cáo đánh giá thực trạng Hệ thống thống kê Việt Nam (2010)	Tất cả các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê các Bộ, ngành và Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã đều được thu thập, tổng hợp và phổ biến theo nội dung và kỹ công bố quy định	Các thông tin thống kê được sản xuất và phổ biến đáp ứng các tiêu thức chất lượng đang được hầu hết các cơ quan thống kê quốc gia và các tổ chức quốc tế áp dụng	106/186 chỉ tiêu TKQG được công bố đầy đủ Hầu hết các tỉnh chưa được hầu hết đầy đủ, thậm trí chỉ công bố được 66% chỉ tiêu
3	Đổi mới, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê	- Hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, đồng bộ và thống nhất, chia sẻ và kết nối thông tin thường xuyên, chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức thống kê trong nước, thực hiện các cam kết về cung cấp và chia sẻ thông tin với các tổ chức quốc tế, cơ quan thống kê các quốc gia	Báo cáo đánh giá thực trạng Hệ thống thống kê Việt Nam (2010)	Hoàn thành việc xây dựng các cơ sở dữ liệu thống kê vi mô; cơ sở dữ liệu thống kê vĩ mô; cơ sở dữ liệu thống kê về hệ thống các bảng phân loại, danh mục và hệ thống khái niệm, nguồn thông tin, phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê	Xây dựng kho dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội vào năm 2020 để các đối tượng dùng tin đều có thể khai thác, sử dụng.	Chỉ có 7 CSDL, nhưng chưa được cập nhật và tích hợp
4	Đổi mới, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động xử lý, tổng hợp và phổ biến thông tin thống kê			Thực hiện đầy đủ Hệ thống phổ biến dữ liệu chung (GDDS)	Tuân thủ đầy đủ Tiêu chuẩn phổ biến dữ liệu riêng (SDDS) của Quỹ Tiền tệ Quốc tế	Hệ thống phổ biến dữ liệu chung năng cao (e-GDDS)
5	Đẩy mạnh phân tích và dự báo thống kê					
6	Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thống kê					
7	Phát triển nhân lực làm công tác thống kê	- Chỉ số chung về năng lực thống kê	61 điểm (2010)	70 điểm	80 điểm	78,98
8	Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê	- Chỉ số phương pháp luận thống kê	30 điểm	55 điểm	75 điểm	60 (2019)
9	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động thống kê	- Năng mức độ thực hiện Hệ thống tài khoản quốc gia theo Khung đánh giá của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc đạt mức 6/6 vào năm 2030	Mức 2/6 (2008)	Mức 3/6	Mức 4/6	3/6

Đánh giá mục tiêu năm 2020

- Các thông tin thống kê được sản xuất và phổ biến đáp ứng các tiêu thức chất lượng đang được hầu hết các cơ quan thống kê quốc gia và các tổ chức quốc tế áp dụng



Nguồn: Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2017

Đánh giá mục tiêu năm 2020

➤ Xây dựng kho dữ liệu thống kê kinh tế – xã hội vào năm 2020 để các đối tượng dùng tin đều có thể khai thác, sử dụng.

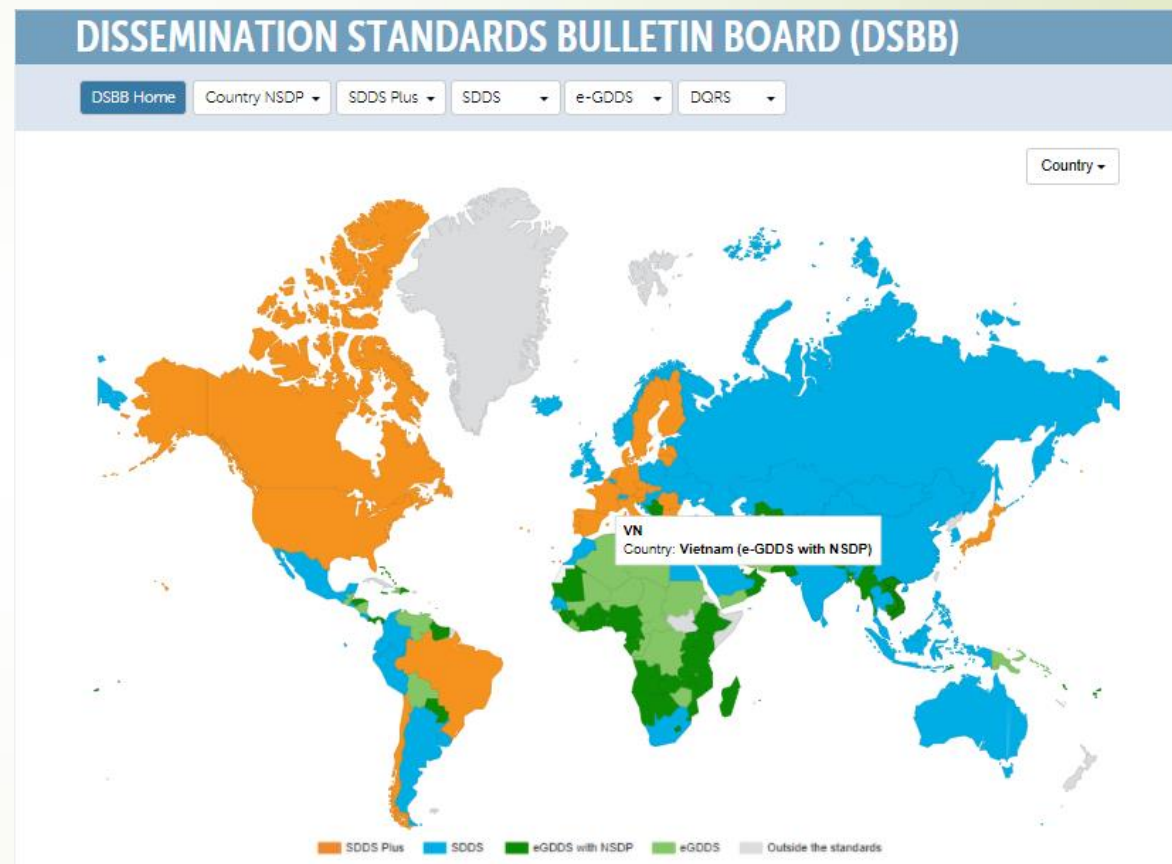


➤ Một số kho dữ liệu trên nền tảng MS SQL gồm: kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở các năm 1999, 2009; Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính sự nghiệp các năm 2007, 2012; Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản các năm 2006, 2011, 2016; Khảo sát mức sống dân cư, Điều tra Lao động việc làm nhưng chưa được cập nhật và tích hợp



Đánh giá mục tiêu năm 2020

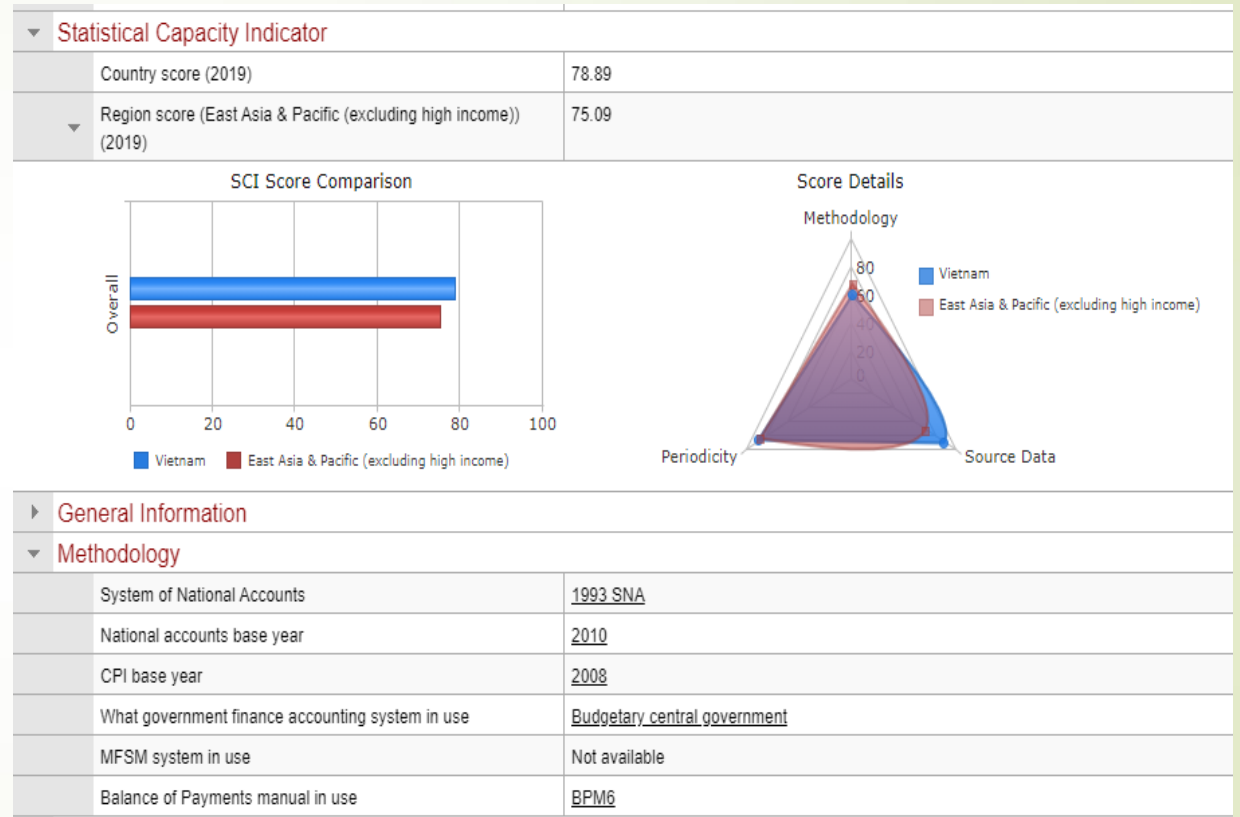
- Tuân thủ đầy đủ Tiêu chuẩn phổ biến dữ liệu riêng (SDDS) của Quỹ Tiền tệ Quốc tế



<https://dsbb.imf.org/>

Đánh giá mục tiêu năm 2020

- Chỉ số chung về năng lực thống kê: 80
- Chỉ số phương pháp luận thống kê: 75



<https://datatopics.worldbank.org/statisticalcapacity/CountryProfile.aspx>

Đánh giá mục tiêu năm 2020

- Nâng mức độ thực hiện Hệ thống tài khoản quốc gia theo Khung đánh giá của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc đạt mức 6/6 vào năm 2030
- Năm 2020: 4/6



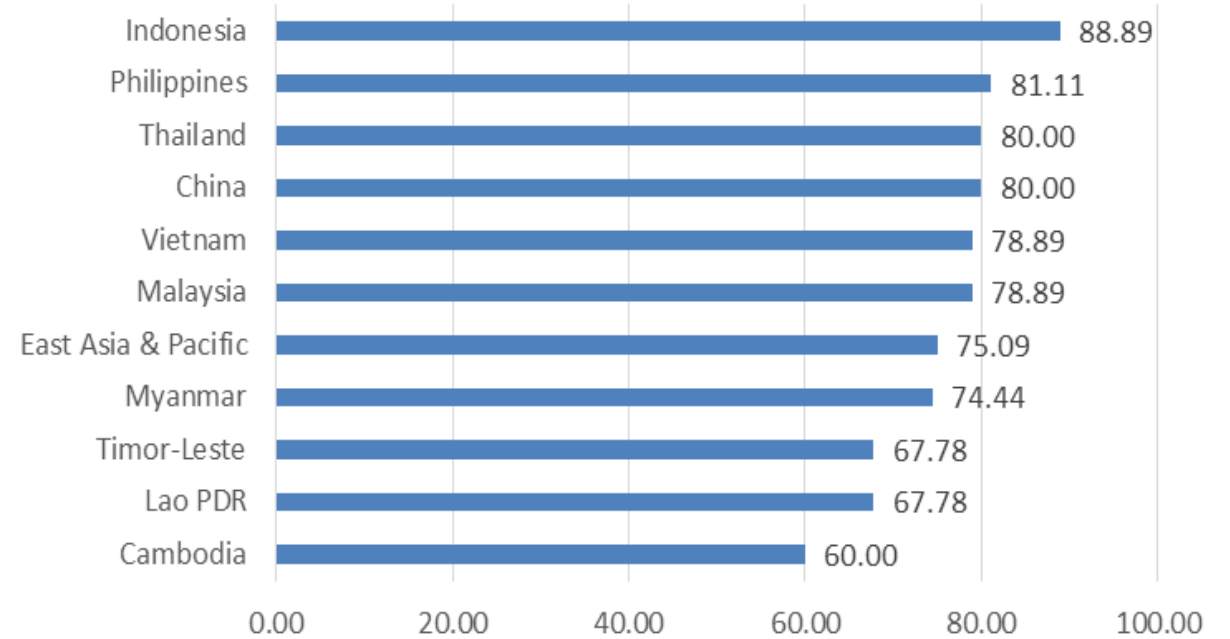
Các mốc thực hiện	Thực hiện
Các giai đoạn tiền SNA	✓
Cột mốc 1. Các chỉ số cơ bản của tổng sản phẩm trong nước (GDP) Tiêu dùng cuối cùng về GDP theo giá hiện hành và giá so sánh GDP theo ngành giá hiện tại và so sánh	✓
Cột mốc 2. Tổng thu nhập quốc gia và các chỉ tiêu chính khác • cho phần còn lại của thế giới Tài khoản bên ngoài của thu nhập lần đầu và chuyển khoản hiện tại Tài khoản vốn và tài chính	✓
Cột mốc 3. Tài khoản khu vực thể chế: bước đầu tiên: • cho tất cả các khu vực thể chế Tài khoản sản xuất: • cho chính phủ nói chung Tạo thu nhập, Phân bổ thu nhập lần đầu, Phân phối thu nhập lần hai, Sử dụng thu nhập khả dụng, Tài khoản vốn và tài chính	✓
Cột mốc 4. Tài khoản khu vực thể chế: bước trung gian 1: • cho tất cả các khu vực thể chế Tạo thu nhập, Phân bổ thu nhập lần đầu, Phân phối thu nhập lần hai, Sử dụng thu nhập khả dụng Tài khoản vốn	
Cột mốc 5. Tài khoản khu vực thể chế: bước trung gian 2: • cho tất cả các khu vực thể chế Tài khoản tài chính	
Cột mốc 6. Tài khoản khu vực thể chế: bước cuối cùng: • cho tất cả các khu vực thể chế Những thay đổi khác trong tài khoản tài sản Bảng cân đối hạch toán	

Đánh giá mục tiêu năm 2020

- Năm 2020: Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá trong khu vực



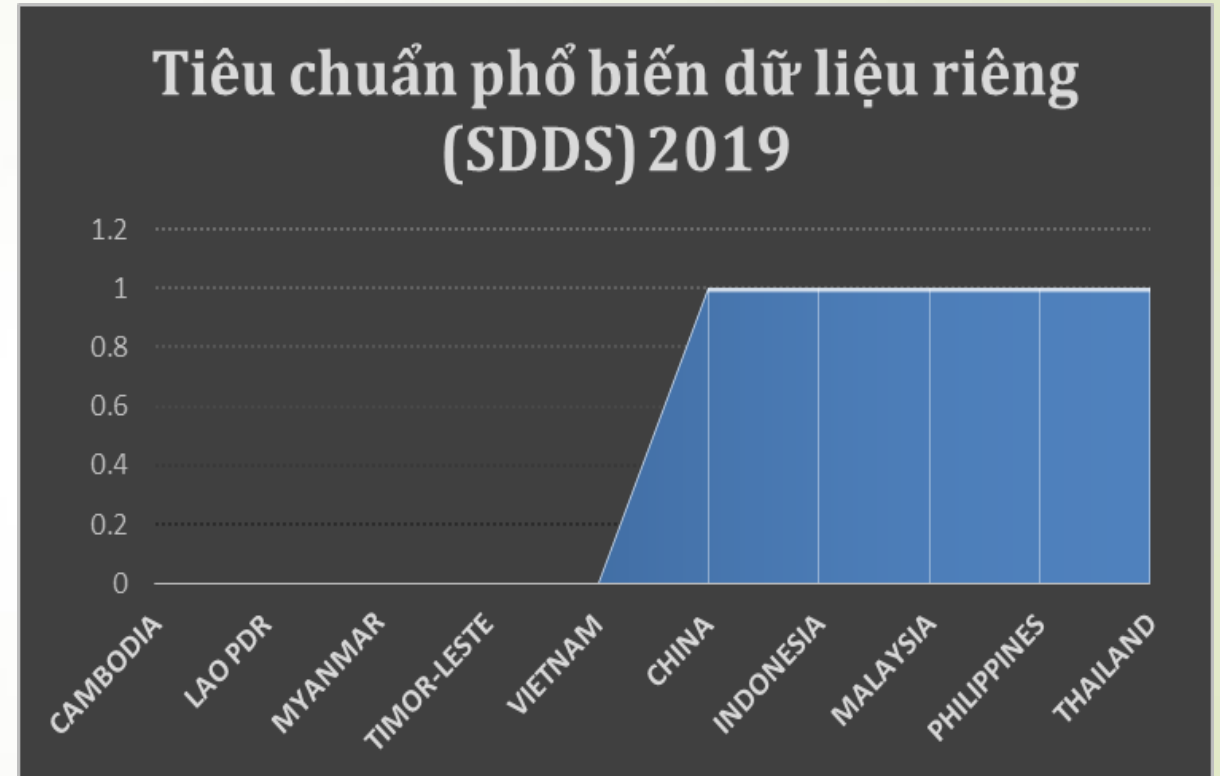
Chỉ số chung về năng lực thống kê 2019



<https://databank.worldbank.org/reports.aspx?source=Statistical-capacity-indicators#>

Đánh giá mục tiêu năm 2020

- Năm 2020: Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá trong khu vực



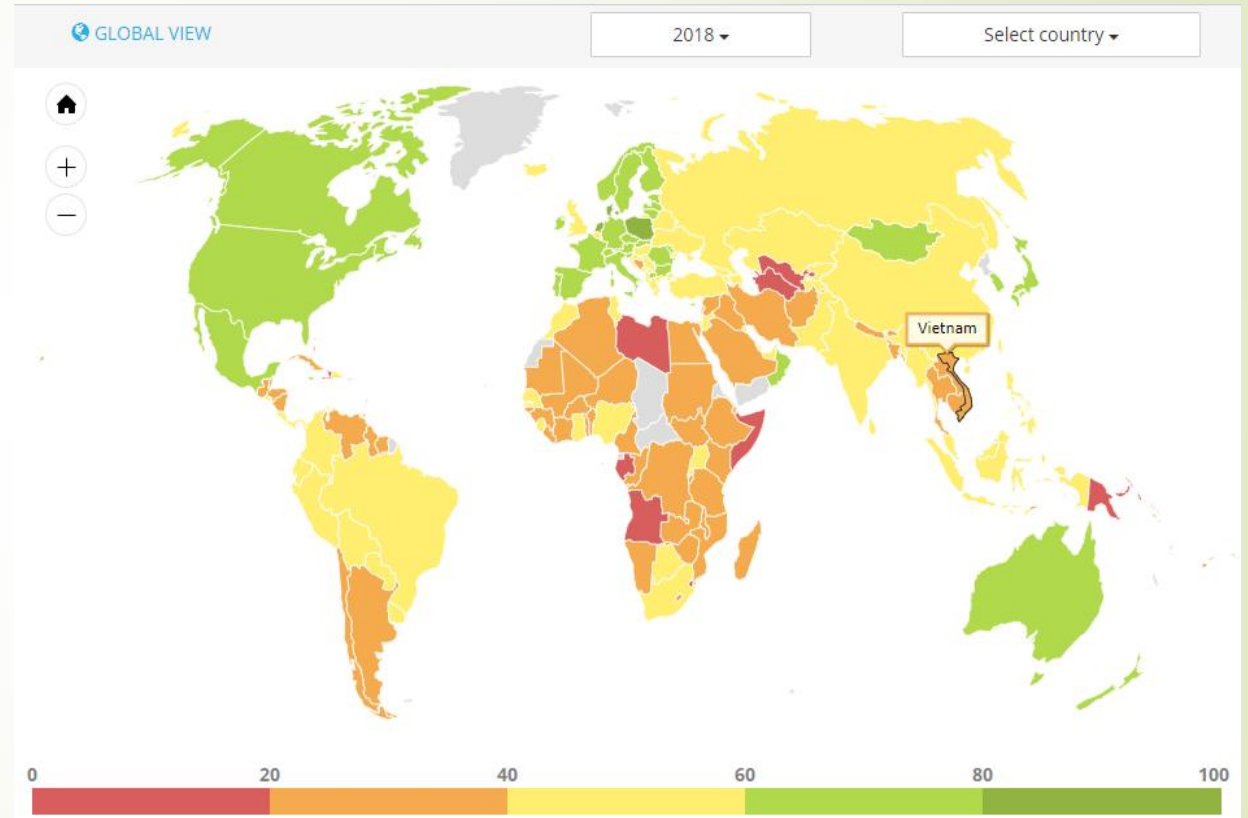
<https://databank.worldbank.org/reports.aspx?source=Statistical-capacity-indicators#>

Đánh giá mục tiêu năm 2020

- Năm 2020: Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá trong khu vực



Dữ liệu mở Inventory (ODIN) 2018



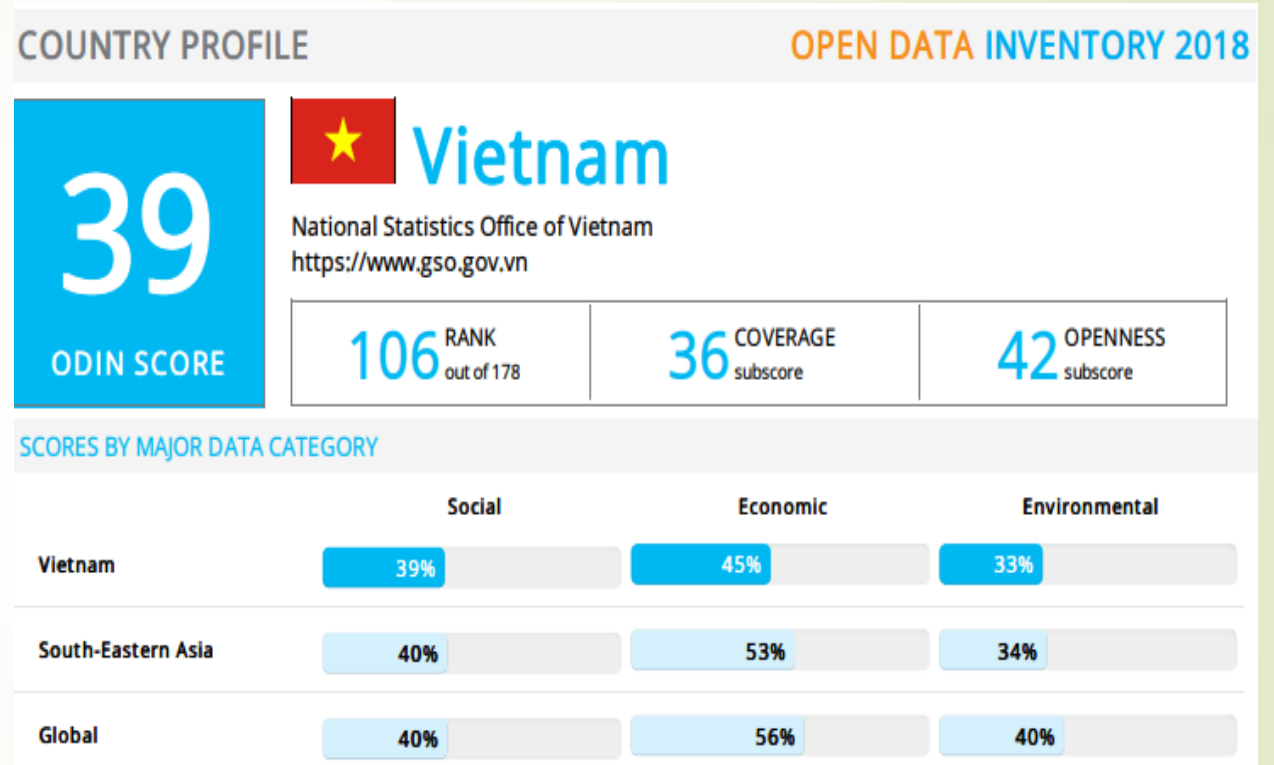
<https://odin.opendatawatch.com/>

Đánh giá mục tiêu năm 2020

- Năm 2020: Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá trong khu vực



Dữ liệu mở Inventory (ODIN) 2018



<https://odin.opendatawatch.com/ReportCreator/ExportCountryReport/VNM/2018>

Đánh giá mục tiêu năm 2020

- Năm 2020: Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá trong khu vực

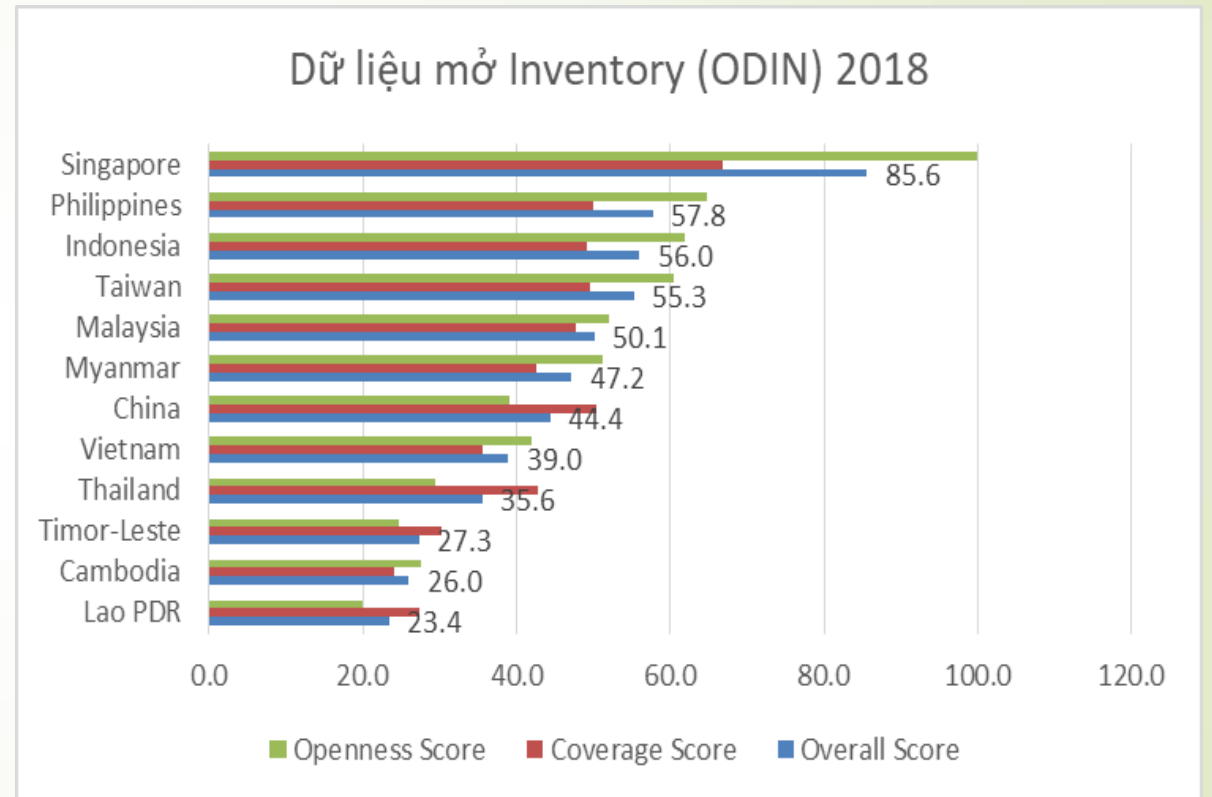


Dữ liệu mở Inventory (ODIN) 2018

Region	Overall Score		Coverage Score		Openness Score	
	Rank	Score	Rank	Score	Rank	Score
South-Eastern Asia	1	Singapore 86	1	Singapore 67	1	Singapore 100
	9	Philippines 58	18	Philippines 50	8	Philippines 65
	10	Indonesia 56	21	Indonesia 49	10	Indonesia 62
	20	Malaysia 50	23	Malaysia 48	17	Malaysia 52
	24	Myanmar 47	30	Thailand 43	19	Myanmar 51
	33	Vietnam 39	31	Myanmar 43	28	Vietnam 42
	37	Thailand 36	37	Vietnam 36	38	Thailand 29
	41	Timor-Leste 27	41	Timor-Leste 30	41	Cambodia 28
	42	Cambodia 26	42	Lao PDR 27	43	Timor-Leste 25
	45	Lao PDR 23	45	Cambodia 24	45	Lao PDR 20

Đánh giá mục tiêu năm 2020

- Năm 2020: Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá trong khu vực



<https://odin.opendatawatch.com/report/multiCountry>

Đánh giá mục tiêu năm 2020

- Năm 2020: Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá trong khu vực



Dữ liệu mở Inventory (ODIN) 2018

		0 20 40 60 80 100					
Country	Region	Overall	Coverage	Openness	Social Statistics	Economic Statistics	Environmental Statistics
Cambodia	South-Eastern Asia	26	24	28	38	18	20
China	Eastern Asia	44	50	39	29	57	49
Indonesia	South-Eastern Asia	56	49	62	51	62	55
Lao PDR	South-Eastern Asia	23	27	20	22	21	27
Malaysia	South-Eastern Asia	50	48	52	41	64	47
Myanmar	South-Eastern Asia	47	43	51	46	61	35
Philippines	South-Eastern Asia	58	50	65	54	64	56
Singapore	South-Eastern Asia	86	67	100	81	93	82
Taiwan	Eastern Asia	55	50	61	51	76	40
Thailand	South-Eastern Asia	36	43	29	31	44	33
Timor-Leste	South-Eastern Asia	27	30	25	34	38	11
Vietnam	South-Eastern Asia	39	36	42	39	45	33

<https://odin.opendatawatch.com/report/multiCountry>

Thống kê kinh tế

Số liệu về tài chính và kinh tế vĩ mô			
Tài khoản quốc gia (GDP)	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	Metadata
Chỉ số giá tiêu dùng	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	Metadata
Hoạt động của Chính phủ chung	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	
Hoạt động của Chính phủ Trung ương			Metadata
Nợ Chính phủ Trung ương	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	Metadata
Khảo sát các tổ chức tiền gửi			Metadata
Hoạt động của ngân hàng Trung ương			Metadata
Lãi suất	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	Metadata
Thị trường chứng khoán	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	Metadata
Cân cán thanh toán quốc tế	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	Metadata
Nợ nước ngoài	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	Metadata
Dự trữ chính thức			Metadata
Thương mại hàng hóa	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	Metadata
Vị thế đầu tư quốc tế (IIP)			Metadata
Tỷ giá hối đoái	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	Metadata

Trang Dữ liệu Tóm tắt Quốc gia (NSDP) cho phép người dùng truy cập dữ liệu, xem siêu dữ liệu hoặc duyệt liên kết tới các bộ dữ liệu trực tuyến cho tất cả các danh mục có sẵn cho một quốc gia. Dữ liệu được hiển thị trên trang này tương ứng với dữ liệu được mô tả trong Bảng tin tiêu chuẩn phổ biến (DSBB) của Quỹ tiền tệ quốc tế.

Số liệu về tài chính và kinh tế vĩ mô (Khuyến khích)

Chỉ số sản xuất công nghiệp	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	Metadata
Thị trường lao động	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	Metadata
Chỉ số giá sản xuất	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	Metadata
Các chỉ số lành mạnh tài chính (FSA)			

Các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội và nhân khẩu học

Dân số	Định dạng Excel	Dữ liệu SDMX	Metadata
Các chỉ tiêu về nhân khẩu học			

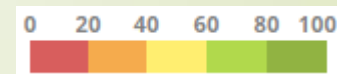
<http://nsdp.gso.gov.vn/index.htm>

Thống kê kinh tế

Data Categories	Data Elements		
	Coverage	Openness	All
Population & vital statistics	30	50	40
Education facilities	40	60	50
Education outcomes	0	0	0
Health facilities	80	60	70
Health outcomes	40	60	50
Reproductive health	40	60	50
Gender statistics	30	40	35
Crime & justice	0	0	0
Poverty & income	60	60	60
Social Statistics subscore	36	43	39
National accounts	38	70	56
Labor	60	60	60
Price indexes	38	70	56
Government finance	75	70	72
Money & banking	0	0	0
International trade	50	70	63
Balance of payments	0	0	0
Economic Statistics subscore	40	49	45
Land use	40	60	50
Resource use	88	70	78
Energy use	0	0	0
Pollution	0	0	0
Built environment	30	40	35
Environment subscore	32	34	33

Dữ liệu mở Inventory (ODIN) 2018

Data Elements	Data Categories			
	Social Statistics	Economic Statistics	Environment Statistics	All
Indicator coverage and disaggregation	50	50	40	47
Data available last 5 years	44	50	40	45
Data available last 10 years	44	50	40	45
First administrative level	39	0	20	23
Second administrative level	0	0	0	0
Coverage subscore	36	40	32	36
Machine readable	56	71	40	56
Non-proprietary	78	71	60	70
Download options	61	64	40	55
Metadata available	22	36	30	29
Terms of use	0	0	0	0
Openness subscore	43	49	34	42



<https://odin.opendatawatch.com/Report/countryProfile/VNM?appConfigId=5>

Phát triển thống kê kinh tế

Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030

Việt Nam

- Năm tài khóa 2021, Việt Nam nằm trong nhóm nền kinh tế có mức thu nhập trung bình thấp, với mức GNI bình quân đầu người đạt 2.540 USD
- Đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao (4.046-12.535 USD)
- Đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao (12.536 USD trở lên)

Trong khu vực năm 2021

- Thu nhập trung bình thấp: Timor-Leste, Campuchia, Myanmar, Philippines, Lào
- Thu nhập trung bình cao: Indonesia, Thái Lan, Malaysia
- Thu nhập cao: Singapore, Brunei (2021); Đài Loan, Trung Quốc (từ 1987)

Phát triển thống kê kinh tế

➤ **Mục tiêu tổng quát CLPTTK 2011:** Thống kê Việt Nam phát triển nhanh, bền vững; phấn đấu đến năm 2030 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực

➤ Mục tiêu phát triển thống kê Việt Nam đến năm 2045

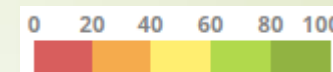
2018 (thu nhập trung bình thấp) 2030 (thu nhập trung bình cao) 2045 (thu nhập cao)



Dữ liệu mở Inventory (ODIN)

Phát triển thống kê kinh tế

Mục tiêu phát triển thống kê kinh tế Việt Nam đến năm 2045



2018

2030

2045

Data Categories	Coverage	Openness	All
National accounts	38	70	56
Labor	60	60	60
Price indexes	38	70	56
Government finance	75	70	72
Money & banking	0	0	0
International trade	50	70	63
Balance of payments	0	0	0
Economic Statistics subscore	40	49	45

Data Categories	Coverage	Openness	All
National accounts	38	60	50
Labor	70	60	65
Price indexes	38	70	56
Government finance	75	60	67
Money & banking	50	60	56
International trade	100	70	81
Balance of payments	100	60	75
Economic Statistics subscore	65	63	64

Data Categories	Coverage	Openness	All
National accounts	75	90	83
Labor	60	80	70
Price indexes	75	90	83
Government finance	75	70	72
Money & banking	100	70	81
International trade	50	70	63
Balance of payments	100	70	81
Economic Statistics subscore	75	77	76

Dữ liệu mở Inventory (ODIN)

Phát triển thống kê kinh tế

Phát triển thống kê kinh tế Việt Nam đến năm 2045

- Số liệu thống kê kinh tế sẽ được phổ biến một cách kịp thời, đúng hạn và hiệu quả tuân thủ đầy đủ Luật Thống kê, đặc biệt là bảo vệ bí mật thống kê và đảm bảo truy cập đồng thời và đồng thời theo yêu cầu của nguyên tắc công bằng.
- Tuân thủ đảm bảo truy cập và phổ biến dữ liệu thân thiện với người dùng, để các số liệu thống kê được trình bày ở dạng rõ ràng và dễ hiểu, được phát hành theo cách phù hợp và thuận tiện, bao gồm ở dạng có thể đọc được bằng máy ('dữ liệu mở'), có thể dễ dàng tìm thấy và có sẵn và có thể truy cập trên cơ sở vô tư với hỗ trợ siêu dữ liệu và hướng dẫn. Điều này cũng đòi hỏi một cam kết đáp ứng các giải thích sai về dữ liệu bởi người dùng.
- Sử dụng các phương pháp luận đúng đắn và cam kết các tiêu chuẩn chuyên nghiệp được sử dụng trong sản xuất số liệu thống kê chính thức: i) áp dụng các quy trình và phương pháp thống kê phù hợp, bao gồm chính sách sửa đổi; ii) cố gắng tuân thủ các tiêu chuẩn và tiêu chuẩn quốc tế, như sách hướng dẫn phương pháp do Ủy ban thống kê Liên hợp quốc (UNSD) hoặc OECD xây dựng và phân loại quốc tế trong các số liệu thống kê.

Phát triển thống kê kinh tế

Phát triển thống kê kinh tế Việt Nam đến năm 2045

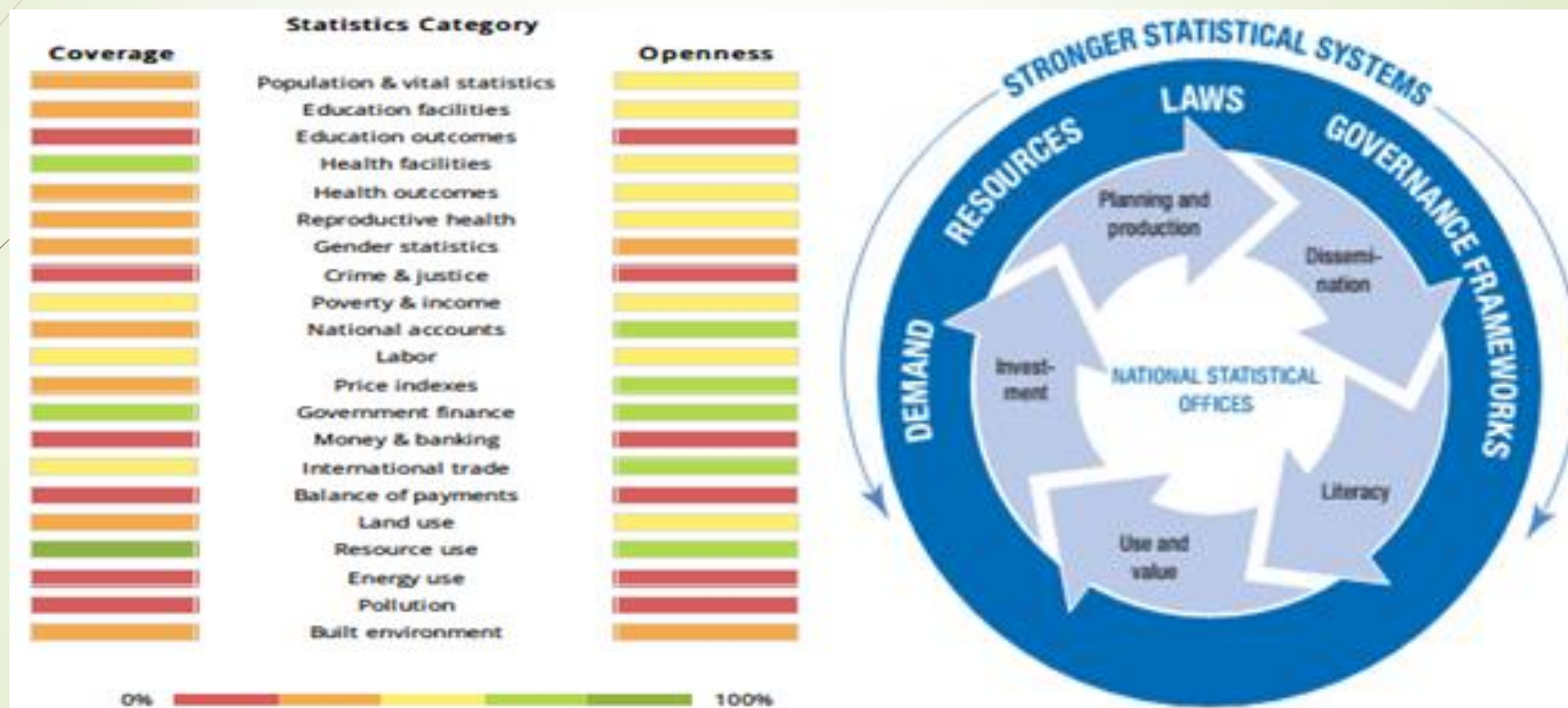
- Tính minh bạch trên các nguồn, phương pháp và quy trình được sử dụng để đưa ra số liệu thống kê kinh tế cũng như đánh giá chất lượng có sẵn cho người dùng sẽ cho phép họ đánh giá mức độ phù hợp của việc sử dụng dữ liệu.
- Tuân thủ cam kết chất lượng của các sản phẩm và quy trình thống kê, đặc biệt là các khía cạnh chất lượng chính như được xác định trong khung đánh giá chất lượng quốc gia và quốc tế, ví dụ trong Khung chất lượng và Nguyên tắc cho các hoạt động thống kê của OECD, Khung đánh giá chất lượng của Quỹ Tiền tệ quốc tế (DQFA), Khung đảm bảo chất lượng quốc gia (NQAF) về thống kê chính thức của Cơ quan thống kê Liên hợp quốc.
- Các cơ quan thống kê là trung tâm của ngành công nghiệp thông tin và cần phải thích nghi với một thế giới dữ liệu và kỹ thuật số đang thay đổi nhanh chóng. Khuyến khích sử dụng môi trường điện tử và cung cấp dịch vụ kỹ thuật số để giúp người trả lời dễ dàng gửi dữ liệu điện tử và người dùng có được dữ liệu ở các định dạng hữu ích; cho phép tạo ra các hệ thống xử lý dữ liệu đảm bảo sự tích hợp cần thiết giữa các nguồn dữ liệu và trong hệ thống thống kê quốc gia, và cho phép bảo mật và tiêu chuẩn hóa các luồng thông tin.

Phát triển thống kê kinh tế

Phát triển thống kê kinh tế Việt Nam đến năm 2045

- Đảm bảo đầy đủ các nguồn lực con người, kiến thức và kỹ năng có sẵn, các nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng như văn phòng, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị CNTT và tài nguyên ảo (như phần mềm, phần cứng, lưu trữ dữ liệu ảo) hỗ trợ hoạt động của tổ chức thống kê để sản xuất và phổ biến số liệu thống kê chính thức.
- Cần đảm bảo rằng các nguồn lực là: i) đủ để cho phép Cơ quan Thống kê Quốc gia đáp ứng cam kết về chất lượng và đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên nghiệp do đó hoàn thành vai trò là nhà cung cấp dữ liệu đáng tin cậy, có liên quan và có thể truy cập để sử dụng trong nước và quốc tế; ii) đủ để tạo ra một bộ dữ liệu cốt lõi tối thiểu, được xác định trên toàn quốc hoặc quốc tế, để giám sát nền kinh tế, xã hội và môi trường.
- Khuyến khích các nhà sản xuất thống kê đạt được các mục tiêu chung trong thống kê cùng với các nhà sản xuất thống kê ở các quốc gia khác và với các tổ chức quốc tế, nhằm phát triển các thống kê so sánh quốc tế, thiết kế các tiêu chuẩn quốc tế và trao đổi thông tin về thực tiễn tốt; cung cấp dữ liệu cần thiết cho hệ thống báo cáo và công việc phân tích của các Tổ chức quốc tế, tuân thủ các tiêu chuẩn thống kê quốc tế được UNSD công nhận và tốt nhất là sử dụng phương pháp / tiêu chuẩn eXchange dữ liệu thống kê cụ thể cho các miền có Định nghĩa cấu trúc dữ liệu (DSDs) được thống nhất quốc tế.

LÒNG GHÉP PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ KINH TẾ TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM



LÒNG GHÉP PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ KINH TẾ TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM

